

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀNG SU PHÌ
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/HS-ST
Ngày 09-7-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG SU PHÌ, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Văn Kim Đường, bà Hoàng Thị Hường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Diệu - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Kha- Kiểm sát viên.

Ngày 09/7/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2024/TLST-HS, ngày 29/5/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HS ngày 25/6/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Thèn Văn Đ**; Sinh ngày: 15 tháng 5 năm 2005 tại huyện H, tỉnh H. Trú tại: Thôn N, xã T, huyện H, tỉnh H. Nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam. Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 07/12. Con ông Thèn Văn C, sinh năm 1982 và bà Lù Thị R, sinh năm 2981. Vợ, con: không. Nhân thân: không. Tiền án, Tiền sự: không. Số căn cước công dân: 002205005046 cấp ngày 13/02/2022. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/3/2024 đến nay, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hoàng Su Phì. Có mặt.

Bị hại:

- Chị Vương Thị L; sinh năm: 1991; Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện H, tỉnh H. Có mặt.

- Anh Lù Văn K; Sinh năm: 1993; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện H, tỉnh H. (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Nguyễn Hồng T; sinh năm: 1978; Nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện H, tỉnh T. (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người làm chứng:

- Chị Lò Thị R; sinh năm: 1981. (có mặt)
- Anh Nguyễn Văn H; sinh năm 1979. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/3/2024, Thèn Văn Đ, sinh năm 2005, trú tại thôn N, xã T, huyện H đi chơi ở quanh khu vực thị trấn Vinh Quang, huyện Hoàng Su Phì. Đến tối cùng ngày, Đ ngủ ở công thoát nước thuộc khu vực thôn B, xã T, huyện H. Khoảng 00 giờ ngày 16/3/2024, Đ tỉnh dậy đi bộ về nhà, khi đến khu vực đường trước nhà chị Vương Thị L, sinh năm 1991, trú cùng thôn N, xã T, huyện H, thấy bên trong nhà đã tắt điện và khóa cửa, trước cửa nhà chị L dựng 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave @, màu đen, biển kiểm soát 23F1 - 174.57, Đ nhìn sang quán bán hàng tạp hóa bên đường đối diện cũng của nhà chị L thấy bên trong quán vẫn bật điện và khóa cửa. Đ đi vòng ra đằng sau quán nhìn thấy ô cửa sổ của quán không có cánh cửa nên đã nảy sinh ý định đột nhập vào trong quán trộm cắp tài sản. Đ trèo qua ô cửa sổ vào trong quán, khi vào trong quán Đ quan sát thấy có 01 (một) chiếc camera ở khu vực gian hàng tạp hóa, Đ sợ bị phát hiện nên tiến đến khu vực bảng điện rút dây nguồn của chiếc camera ra. Sau đó, Đ lên vào trong phòng ngủ trong quán của chị L và nhìn thấy chị L đang ngủ, Đ lục tìm chiếc túi vải màu đen treo ở tủ quần áo thấy 01 (một) chìa khóa xe và 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô. Đ lấy chìa khóa xe và giấy đăng ký xe cho vào trong túi quần bên phải, tiếp đó Đ đi ra vị trí để xe máy trước cửa nhà L và cắm chìa khóa vào ổ khóa xe, Đ quay đầu xe hướng về trung tâm thị trấn V và ngồi lên xe thả trôi theo dốc để tránh bị phát hiện, khi đi được một đoạn, Đ đề nổ xe và điều khiển đi ra xã Tân Quang, huyện Bắc Quang rồi đi theo Quốc lộ 2 xuống huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Khi Đ điều khiển xe đến khu vực Km27, thuộc huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang thì bị ngã xe dẫn đến xe bị hỏng phanh sau và xước một bên xi nhan trái. Sau đó, Đ tiếp tục điều khiển xe xuống đến quán sửa xe của Nguyễn Hồng T, sinh năm 1978, trú tại thôn C, xã Đ, huyện H, tỉnh T. Đ thấy T đang một mình ở quán nên hỏi T có mua xe không, T xem giấy tờ xe thấy tên chủ xe là Vương Thị L nên hỏi xe của ai thì Đ nói dối là xe của Đ, do trước đây Đ không đủ tuổi để đứng tên đăng ký nên có nhờ chị dâu đăng ký hộ. T tin tưởng nên hỏi Đ bán xe giá bao nhiêu, Đ trả lời bán xe giá 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), T đồng ý. Đ viết giấy bán xe cho T và nhận số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Sau đó, Đ chi tiêu cá nhân hết số tiền trên. Đến ngày 21/3/2024, L đến Công an huyện Hoàng Su Phì trình báo việc mất trộm xe. Ngày 22/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoàng Su Phì bắt tạm giữ Đ cùng tang vật của vụ án.

Ngày 22/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoàng Su Phì ra Yêu cầu định giá tài sản số 39/YC-ĐHSKTMT yêu cầu Hội đồng định giá tài sản

giá trong tổ tụng hình sự huyện Hoàng Su Phì tiến hành định giá tài sản: “01 (một) chiếc xe mô tô màu đen, biển kiểm soát: 23F1-174.57, nhãn hiệu Honda số loại Wave @, đăng ký ngày 23/02/2023 (đã qua sử dụng)”.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 70/KL-HĐĐGTS ngày 25/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Hoàng Su Phì kết luận: 01 (một) chiếc xe mô tô màu đen, biển kiểm soát: 23F1-174.57, nhãn hiệu Honda số loại Wave @, đăng ký ngày 23/02/2023 (đã qua sử dụng) có giá 15.300.000 đồng (mười lăm triệu ba trăm nghìn đồng).

Về vật chứng của vụ án: Ngày 22/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoàng Su Phì đã thu giữ vật chứng gồm: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda số loại Wave @, màu sơn: đen, biển kiểm soát: 23F1-174.57 (đã qua sử dụng); 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy, tên chủ xe: Vương Thị L, sinh năm 1991, trú Thôn N, xã T, huyện H, tỉnh H; 01 (một) chìa khoá xe mô tô.

Quá trình điều tra, đã chứng minh làm rõ: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda số loại Wave @, màu sơn: đen, biển kiểm soát: 23F1-174.57 (đã qua sử dụng); 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy, tên chủ xe: Vương Thị L, sinh năm 1991, trú Thôn N, xã T, huyện H, tỉnh H; 01 (một) chìa khoá xe mô tô thuộc sở hữu hợp pháp của chị Vương Thị L, xét thấy việc xử lý vật chứng không ảnh hưởng đến kết quả điều tra, do vậy Cơ quan điều tra đã tiến hành trao trả cho chủ sở hữu.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Thèn Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Cáo trạng số 05/CT-VKSHSP ngày 29/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang truy tố Thèn Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Thèn Văn Đ. Sau khi phân tích toàn diện, đầy đủ tính chất vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo, Đ diện Viện kiểm sát đề nghị:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Thèn Văn Đ phạm tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Thèn Văn Đ từ 09 (chín) đến 12(mười hai) tháng tù.

Về án phí: đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, lời khai người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai người làm chứng và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị hại trình bày: Chiếc xe mà bị cáo trộm cắp là tài sản chung của vợ chồng bị hại là chị Vương Thị L và anh Lù Văn K. Tài sản có trong thời kỳ hôn nhân nhưng vợ chồng thỏa thuận cho đứng tên vợ là chị Vương Thị L. Trong quá trình điều tra, bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm cắp là chiếc xe máy và được gia đình bị cáo Đ tự nguyện bồi thường những thiệt hại phát sinh do việc bị trộm xe, số tiền là: 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*). Bị hại xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Thèn Văn Đ. Bị hại không có yêu cầu gì thêm.

Người làm chứng Lù Thị R có khai: Chị là mẹ của bị cáo, khi bị cáo thực hiện trộm cắp tài sản thì chị không biết đến khi Công an bắt và Đ khai nhận việc trộm cắp tài sản của chị Vương Thị L thì chị mới biết. Trong quá trình điều tra, Đ có tác động gia đình để bồi thường cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Chị đã giúp Đ bồi thường tiền và không có yêu cầu gì trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa và có thể hiện lời khai trong các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như sau: Anh T trình bày do anh mở cửa hàng kinh doanh buôn bán xe máy nên khi thấy Thèn Văn Đ có nhu cầu bán xe máy giá cả hợp lý nên anh đồng ý mua. Việc Đ bán tài sản cho anh là tài sản do trộm cắp mà có thì anh T không biết. Sau khi Đ bị bắt thì Đ đã mượn điện thoại để gọi về gia đình chuyển trả đủ cho anh T số tiền mua xe và sửa chữa xe máy là 11.000.000đ (mười một triệu đồng). Trong đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh T đã nêu không có yêu cầu gì trong vụ án.

Lời nói sau cùng của bị cáo: quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, đã tự nguyện đền bù cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bị hại anh Lù Văn K. Xét thấy, những người vắng mặt đều có đơn xin xét xử vắng mặt và trong quá trình điều tra vụ án, những người vắng mặt đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xét thấy

sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo Thèn Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian 2 giờ sáng ngày 16/3/2024, bị cáo Thèn Văn Đ đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda số loại Wave @, màu sơn: đen, biển kiểm soát: 23F1-174.57 (đã qua sử dụng)) trị giá 15.300.000 đồng (*mười lăm triệu ba trăm nghìn đồng*) của gia đình chị Vương Thị L, anh Lù Văn K; trú tại Thôn N, xã T, huyện H, tỉnh H. Bị cáo Thèn Văn Đ đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định như sau: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có sức khỏe và khả năng lao động nhưng do ý thức coi thường pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu tài sản của người khác nên đã có hành vi trộm cắp tài sản của người khác để sử dụng, tiêu sài cá nhân. Do đó, cần xử lý bị cáo với mức hình phạt nghiêm khắc nhằm giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo Đ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo Thèn Văn Đ đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo Đ được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS.

[6] Trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và được bị cáo tự nguyện bồi thường số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được bị cáo tự nguyện trả lại tiền mua xe và sửa xe số tiền 11.000.000đ (mười một triệu đồng). Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang đã ra Quyết định trả lại vật chứng cho chủ sở hữu hợp pháp. Xét thấy việc cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng là đúng quy định của pháp luật.

[8] Đối với anh Nguyễn Hồng T người mua lại chiếc xe của chị Ldo Thèn Văn Đ trộm cắp mang đi bán. Khi mua chiếc xe thì anh T không biết đó là tài sản do Thèn Văn Đ đã thực hiện Hành vi phạm tội mà có nên không xem xét xử lý hình sự anh Nguyễn Hồng T về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo Điều 323 Bộ luật Hình sự 2015.

[9] Về án phí: Xét thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[10] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Điều 329; Điều 331, Điều 333; Điều 337 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố bị cáo Thèn Văn Đ phạm tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Thèn Văn Đ 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 22/3/2024.

Quyết định tạm giam bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về án phí: Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo Thèn Văn Đ, bị hại chị Vương Thị L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại Lù Văn K, anh Nguyễn Hồng T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt

tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Hoàng Su Phì;
- CQTHA Công an huyện Hoàng Su Phì;
- CQCSĐT Công an huyện Hoàng Su Phì;
- Chi cục THADS huyện Hoàng Su Phì;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Phòng PV06 CA tỉnh Hà Giang;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Hoàng Su Phì;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án & hồ sơ THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Khuyên

